

**CÔNG TY TNHH NHẬP KHẨU THANG MÁY ASAHI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHẬP KHẨU THANG MÁY ASAHI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400999372

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1 đường Hùng Vương, toà nhà 9 tầng, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị công nghiệp                                                        | 3312        |
| 2.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                               | 3320        |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                 | 4321        |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                 | 4322        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động                                                      | 4329        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                         | 4649        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn thang máy, thiết bị nâng hạ, băng tải, hệ thống xếp xe tự động. | 4659(Chính) |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                               | 4663        |
| 9.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                  | 4752        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh   | 8299        |
| 11. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                    | 2640        |
| 12. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                        | 2651        |
| 13. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                        | 2710        |
| 14. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                | 2732        |
| 15. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                               | 2733        |

|     |                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                             | 2740 |
| 17. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                     | 2750 |
| 18. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                   | 2790 |
| 19. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                     | 2816 |
| 20. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                                                                         | 2818 |
| 21. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng<br>chi tiết: Sản xuất thang máy                                                                                                         | 2824 |
| 22. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                        | 3314 |
| 23. | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí<br>và sản xuất nước đá                                                                                            | 3530 |
| 24. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                             | 4101 |
| 25. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                       | 4102 |
| 26. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                 | 4211 |
| 27. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                  | 4212 |
| 28. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                      | 4221 |
| 29. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                           | 4222 |
| 30. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                            | 4223 |
| 31. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                             | 4229 |
| 32. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                         | 4293 |
| 33. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                    | 4299 |
| 34. | Phá dỡ<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                              | 4311 |
| 35. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                   | 4312 |
| 36. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                | 4330 |
| 37. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                           | 4390 |
| 38. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                           | 4651 |
| 39. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                            | 4652 |
| 40. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn<br>thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4741 |
| 41. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4742 |
| 42. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 43. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                              | 4932 |
| 44. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                | 4933 |
| 45. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư ( Không bao gồm tư vấn<br>pháp luật, thuế , tài chính, kiểm toán, chứng khoán) | 6619 |
| 46. | Quảng cáo<br>Trừ hoạt động nhà nước cấm                                                                                                                                       | 7310 |

|     |                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 47. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                             | 7320 |
| 48. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                       | 7410 |
| 49. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                           | 8230 |
| 50. | Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>chưa được phân vào đâu | 9529 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN XUÂN TÙY

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024091004024

Ngày cấp: 09/09/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Thiếp Trì, Xã Thái Đào, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thiếp Trì, Xã Thái Đào, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN TÙY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024091004024

Ngày cấp: 09/09/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Thiếp Trì, Xã Thái Đào, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thiếp Trì, Xã Thái Đào, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang